TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70**/2023/HS-ST
Ngày: 10/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Yên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vì Thị Xôm**

Bà **Trần Thị Duyên**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nhung** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông **Trần Hồng Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/HSST-QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/HSST-QĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Văn Q**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1995 tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Con ông: Lò Văn T – Sinh năm 1972 (Đã chết) và con bà: Lò Thị L – Sinh năm 1975; Vợ: Cút Thị B – Sinh năm 1990; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

2. Họ và tên: **Lò Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990 tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Lào; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Con ông: Lò Văn Kh – Sinh năm 1955 và con bà: Lò Thị K – Sinh năm 1955; Vợ: Quàng Thị N – Sinh năm 1997 (Đã ly hôn năm 2022); Bị cáo có 01 con sinh năm 2016; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 24/3/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo bản án số

13/2020/HS-ST, ngày 23/9/2021 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử phạt hành chính.

3. Họ và tên: **Lò Văn K**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989 tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Huổi K, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Mú; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Con ông: Lò Văn N – Sinh năm 1967 và con bà: Lò Thị S – Sinh năm 1963; Vợ: Lò Thị K – Sinh năm 1989; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/7/2022 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn Q:* Bà Nguyễn Thị Thu H – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T:* Bà Lê Thị Thúy A – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn K:* Bà Bùi Thúy A – Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Lò Thị K – Sinh năm 1989 – Nơi cư trú: Bản Huổi K, xã Mường L, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

* *Người làm chứng:*

+ Cháu Giàng A L - Sinh năm 2008 – Địa chỉ: Bản P, xã Pú H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu L: Anh Giàng A L1 – sinh năm 1988 – Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

+ Anh Giàng A T – Sinh năm 1990 – Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 12/7/2022 khi Lò Văn K và Lò Văn Q đang ở chỗ làm thuê tại bản P, xã P, huyện Đ thì Q nhận được tin nhắn từ Messenger của Lò Văn T với nội dung: T hỏi Q có Heroine không thì mang bán cho T và thỏa thuận giá là 230.000đ/phân (cân tiểu ly) Heroine. Q đồng ý và nói: để Q xoay sở xem nếu mua được ma túy thì sẽ đem xuống bán cho T. Sau đó, Q nói lại cho K biết về nội dung tin nhắn, đồng thời Q bàn bạc với K là: "Tao với mày đi cắm xe máy của tao để mua Heroine về bán cho T". K đồng ý nhưng do đang bận làm thuê nên bảo Q: " Mày đi cắm xe và mua Heroine, nếu được thì gọi tao đến đón". Sau đó, Q đem xe mô tô BKS 27B2 - 255.82 của Q đi cầm cố cho Giàng A T, sinh năm 1990, trú tại bản P, xã P, huyện Đ được số tiền là 1.200.000 đồng rồi Q dùng toàn bộ số tiền 1.200.000 đồng để mua 01 gói

Heroine của một người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực đường thuộc bản P, xã P, huyện Đ. Mua bán xong, Q gọi điện cho K đến đón. Do K đang làm thuê, không đi đón được nên đã nhờ Giàng A L (là người quen của K), sinh năm 2008, trú tại bản P, xã P, huyện Đ đón hộ. Sau đó, L đến đón Q rồi đưa Q về chỗ K đang làm thuê. Khi về đến nơi, Q cùng K vào trong lán nương rồi cùng nhau sử dụng một ít Heroine từ số Heroine mà Q mua được. Số Heroine còn lại, Q dùng tay cấu chia thành 03 gói đều được gói bằng nilon màu hồng (gồm 01 gói to và 02 gói nhỏ) với mục đích: gói Heroine to để bán cho T, còn 02 gói Heroine nhỏ nếu có ai hỏi mua thì Q sẽ tự bán để kiếm lời và cho K sử dụng Heroine cùng. Sau đó, Q cất giấu Heroine vào túi quần bên phải đang mặc rồi điều khiển xe mô tô của K, chở K ngồi phía sau, cả hai đi về nhà Lò Văn T ở bản N, xã P, huyện Đ để bán Heroine cho T. Trên đường đi, do lo sợ bị cơ quan chức năng phát hiện việc cất giấu Heroine nên K bảo Q đưa gói Heroine cho K cầm.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, Q, K đến nhà T thì thấy T đang ngồi một mình ở bàn uống nước trong nhà. Lúc này, Q và K vào ngồi cạnh T thì T hỏi Q: "Có lấy được Heroine không?", Q trả lời "Có". Sau đó Q bảo K lấy gói Heroine đưa cho Q, Q để 03 gói Heroine lên mặt bàn uống nước, thì T hỏi Q: "mày bán cho tao gói nào". Lúc này, Q bảo bán cho T 01 gói Heroine có kích thước to nhất. Nghe vậy, T bảo Q: "Cho tao dùng thử một tý Heroine xem" thì Q cấu lấy một ít Heroine từ 01 gói Heroine khác cũng đang đặt trên mặt bàn rồi đưa T sử dụng, T một mình sử dụng Heroine bằng hình thức hít, còn Q tự ý cấu thêm một ít Heroine rồi cùng K sử dụng hết bằng hình thức hít ngay tại bàn uống nước (cả hai cùng sử dụng 01 mảnh giấy bạc, thay nhau sử dụng Heroine). Việc Quyết, Kiên sử dụng ma túy tại nhà T không xin phép T mà cả hai tự ý sử dụng, tại thời điểm đó T đang sử dụng ma túy của mình có nhìn thấy việc Q, K sử dụng ma túy, tuy không đồng ý việc đó nhưng T bỏ mặc cho Q, K sử dụng. Trong quá trình sử dụng ma túy, T có trao đổi với Q và đồng ý mua gói Heroine có kích thước lớn nhất với giá 1.200.000 đồng. Sau khi mua bán và sử dụng ma túy xong, Q, K ở lại ăn cơm, ngủ nghỉ tại nhà T.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, khi Q đang sử dụng Heroine tại bàn uống nước nhà T thì có một người đàn ông dân tộc Thái, khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ đến hỏi mua Heroine, Q đã lấy ra một gói Heroine, cấu một ít Heroine bán cho người đàn ông với giá 100.000 đồng. Mua bán xong, Q cất tiền và số Heroine còn lại vào túi quần bên phải đang mặc (việc Q bán ma túy, có K và T đang ở trong nhà biết, chứng kiến).

Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang sử dụng ma túy ở bàn uống nước thì có 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ đến hỏi mua Heroine nhưng T không mở cửa mà bảo người đàn ông: có gì nhét qua khe ván nhà. Nghe vậy, người đàn ông đã nhét 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng qua khe ván nhà. Tiến nhận tiền rồi cấu lấy một ít Heroine từ gói Heroine mua được của Q, dùng mảnh nilon màu trắng gói lại, đưa cho người đàn ông (việc T bán ma túy, có Q và K biết). Đến 17 giờ cùng ngày, T, Kiên, Q đang ở trong nhà T

bị tổ công tác Đồn Biên phòng Cửa khẩu Huổi Puốc - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với Công an xã Phu Luông vào nhà kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ:

+ Thu giữ của Lò Văn T: tại vị trí trước mặt T đang ngồi khoảng 20 cm có 01 gói nilon màu hồng, mở bên trong có 1,21 gam chất bột màu trắng nghi là Heroine, thu giữ tại cạp quần đằng trước T đang mặc có 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng là tiền T bán ma túy mà có. Lò Văn T giao nộp 01 điện thoại di động loại cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu itel đã qua sử dụng.

+ Thu giữ của Lò Văn Q: tại túi quần bên phải Q đang mặc 02 gói đều được gói bằng nilon màu hồng, bên trong 02 gói có tổng khối lượng 0,22 gam chất bột màu trắng nghi là Heroine và số tiền 1.300.000 đồng là tiền Q bán ma túy cho T và một người đàn ông không quen biết mà có; Lò Văn Q giao nộp 01 điện thoại di động loại cảm ứng, màu đen, nhãn hiệu OPPO và 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng.

+ Qua kiểm tra Lò Văn K, tổ công tác không phát hiện, thu giữ gì. Ngoài ra, sau khi bị bắt quả tang, Lò Văn K tự giác giao nộp 01 xe mô tô BKS 27B2 – 259.69, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX, số khung: RLHJA3838MY110612, số máy: JA52E-0275336, dung tích 109, màu đỏ đen, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong; 01 điện thoại di động loại bàn phím màu đỏ, đen nhãn hiệu itel đã qua sử dụng.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và niêm phong vật chứng ngày 14/7/2022 đã xác định như sau:

Số cục bột màu trắng nghi là Heroine thu giữ của Lò Văn T có khối lượng 1,21 gam gửi toàn bộ giám định.

Số cục bột màu trắng nghi là Heroine thu giữ của Lò Văn Q có khối lượng 0,22 gam gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1025/KL-KTHS ngày 22/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Lò Văn T có khối lượng 1,21 gam gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine. Kèm theo kết luận giám định hoàn lại đối tượng giám định 0,98 gam Heroine và bì niêm phong cũ có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản kết luận giám định số 1024/KL-KTHS ngày 21/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng thu giữ của Lò Văn Q có khối lượng 0,22 gam gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine. Kèm theo kết luận giám định hoàn lại đối tượng giám định 0,15 gam Heroine và bì niêm phong cũ có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản kết luận giám định số 1013/KL-KTHS ngày 18/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có số mã hiệu MS 11570368 là tiền thật.

Tại bản kết luận giám định số 1013/KL-KTHS ngày 18/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số mã hiệu AZ 21403963 là tiền thật; 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có số mã hiệu CK 20676256 là tiền thật; 06 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có số mã hiệu: OG 19986494, AQ 17435280, TL 18564597, NK 15439279, BP 17570475, AN 17688884 là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 243/CT-VKSĐB ngày 14/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố:

Bị cáo Lò Văn Q về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn K về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn T về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58/BLHS.

Xử phạt bị cáo Lò Văn Q: 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: khoản 1 Điều 251/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58/BLHS.

Xử phạt bị cáo Lò Văn K: 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng: khoản 1 Điều 251/BLHS; khoản 1 Điều 256/BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T: 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt yêu cầu áp dụng là từ 05 năm đến 06 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 0,15 gam Heroine là vật chứng của Lò Văn Q còn lại sau giám định và 0,98 gam Heroine là vật chứng của Lò Văn T còn lại sau giám định.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với:

+ Số tiền 50.000 đồng thu giữ của Lò Văn T.

+ Số tiền 1.300.000 đồng thu giữ của Lò Văn Q.

+ Điện thoại di động cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng.

+ Điện thoại di động cảm ứng màu đen nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng.

+ Điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng.

+ Điện thoại di động bàn phím màu đỏ - đen, nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2- 259.69, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX, số khung: RLHJA3838MY110612, số máy: JA52E-0275336, dung tích 109, màu đỏ - đen, xe cũ đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Lò Văn K, Kiên sử dụng vào việc phạm tội nhưng do chiếc xe đó là tài sản chung của vợ chồng bị cáo K nên đề nghị HĐXX trả lại cho chị Lò Thị K (vợ bị cáo K) ½ giá trị chiếc xe và tịch thu sung ngân sách Nhà nước ½ giá trị chiếc xe.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn toàn bộ án phí HSST.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo. Các Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Tại bản luận cứ bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn Q nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, quyết định xét xử của Tòa án đối với bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS là đúng người, đúng tội. Bị cáo Q thành khẩn khai báo nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS xét xử bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp với tính chất mức độ của bị cáo. Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc hộ nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại bản luận cứ bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, quyết định xét xử của Tòa án đối với bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251/BLHS và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 256/BLHS là đúng người, đúng tội. Bị cáo T thành khẩn khai báo nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS; áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS xét xử bị cáo mức thấp nhất đại diện VKS đề nghị là phù hợp với tính chất mức độ của bị cáo. Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc hộ nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại bản luận cứ bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn K nhất trí quan điểm truy tố của Viện kiểm sát, quyết định xét xử của Tòa án đối với bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251/BLHS là đúng người, đúng tội. Bị cáo K thành khẩn khai báo nên đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất đại diện VKS đề nghị là phù hợp với tính chất mức độ của bị cáo. Bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc hộ cận nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí HSST cho bị cáo.

Các bị cáo hoàn toàn nhất trí bản luận cứ bào chữa của Người bào chữa không có ý kiến bổ sung vào bản luận cứ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên.

Đối đáp của Kiểm sát viên:

+ Thứ nhất, Viện kiểm sát không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho Bị cáo Lò Văn Q về việc đề nghị xử phạt bị cáo Q ở mức thấp nhất của khung hình phạt là 07 năm tù, bởi lẽ ngoài hành vi 02 lần bán trái phép Heroine, thu được số tiền 1.300.000 đồng; Bị cáo Q còn có hành vi cất giấu trên người 02 gói Heroine với mục đích để sử dụng và bán kiếm lời, do đó mức đề nghị của Viện kiểm sát đối với Bị cáo Q là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

+ Thứ hai, Viện kiểm sát không chấp nhận quan điểm của người bào chữa cho Bị cáo Lò Văn K về việc đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo K dưới mức thấp nhất do đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bởi lẽ: Bị cáo K và Bị cáo Q là đồng phạm trong vụ án, do đó Bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng Heroine thu giữ của Q là 0,22 gam và Heroine mà Q bán cho T là 1,21 gam. Tổng khối lượng Heroine mà Bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự là 1,43 gam. Do đó, mức đề nghị của Viện kiểm sát đối với Bị cáo K là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

+ Thứ ba, đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo T không trái với quan điểm của Viện kiểm sát nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo Lò Văn Q, Lò Văn K, Lò Văn T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các Bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn Q, Lò Văn K và Lò Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung,

biên bản ghi lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với các Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định:

Hồi 17 giờ, ngày 12/7/2022 tại nhà của Lò Văn T ở bản N, xã P, huyện Đ, Lò Văn Q, Lò Văn K và Lò Văn T bị Tổ công tác Đồn Biên phòng cửa khẩu Huổi Puốc – Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Điện Biên phối hợp với Công an xã Phu Luông vào nhà kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Lò Văn Q đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,22 gam Heroine nhằm mục đích bản lẻ kiếm lời; Lò Văn T có hành vi tàng trữ 1,21 gam Heroine nhằm mục đích bán lẻ kiếm lời.

Tại hồ sơ và tại phiên tòa Lò Văn Q và Lò Văn K đều khai nhận: Q và K đã bàn bạc với nhau cắm xe máy của Q lấy tiền mua ma túy để bán lại ma túy cho Lò Văn T với mục đích kiếm lời và cùng nhau sử dụng ma túy. Như vậy, Q và K phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số ma túy thu giữ trên người Q là 0,22 gam và số ma túy bán cho T là 1,21 gam, tổng số ma túy Q và K phải chịu trách nhiệm hình sự là 1,43 gam. Ngoài ra, Q còn có hành vi bán ma túy cho một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) tại bàn uống nước nhà T và thu được số tiền 100.000 đồng, có K và T ngồi gần đó chứng kiến. Hành vi bán ma túy cho người đàn ông trên Q và K không được bàn bạc và thỏa thuận từ trước mà là do Q tự ý bán nên Q phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt "phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm b khoản 2 Điều 251/BLHS. Nguồn gốc số Heroine bị thu giữ do Q mua được của một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 40 tuổi (không biết địa chỉ) với giá 1.200.000 đồng tại khu vực đường thuộc bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Tại hồ sơ và tại phiên tòa Lò Văn T khai nhận: Khoảng 11 giờ ngày 12/7/2022, Lò Văn Q và Lò Văn K đến nhà bán Heroine cho T, trong lúc T đang mải sử dụng ma túy T đã để mặc cho Q và K sử dụng ma túy bằng hình thức hít ngay tại bàn uống nước trong nhà T. Theo quy định tại mục 7.2 của Điều 7 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định:

" 7.2. Có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" là trường hợp có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý, biết người khác (không phải ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chi em ruột, vợ hoặc chồng của mình) là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, tuy không cho họ thuê, mượn địa điểm, nhưng lại để mặc cho họ hai lần sử dụng trái phép chất ma túy trở lên hoặc để mặc cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy"

Như vậy, áp dụng tinh thần điều luật nói trên, hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 256/BLHS.

Ngoài ra, vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 12/7/2022 Lò Văn T có hành vi bán ma túy cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi 01 gói Heroine (được cấu từ gói Heroine mua được của Q và K) thu được số tiền 50.000 đồng, việc mua bán có Q và K chứng kiến.

Hành vi của các Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Các Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi nêu trên của Bị cáo Lò Văn Q có đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi nêu trên của bị cáo Lò Văn K có đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi nêu trên của bị cáo Lò Văn T có đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố Bị cáo Lò Văn Q về tội Mua bán trái phép chất ma tuý theo điểm b khoản 2 Điều 251, Bị cáo Lò Văn K về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251, Bị cáo Lò Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét vai trò của từng bị cáo: Đối với hành vi Bị cáo Q và bị cáo K mua bán trái phép chất ma túy với Bị cáo T, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là hành vi có tính chất đồng phạm, nhưng không thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức chỉ là đồng phạm giản đơn theo điều 17 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q và Bị cáo K đã bàn bạc với nhau để Q đi cắm xe máy của Q lấy tiền đi mua ma túy về bán cho T, còn K dùng xe máy của K để chở Q đi tiêu thụ số ma túy đã mua, K còn cất giấu ma túy trong người để tránh sự phát hiện của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, hành vi đồng phạm này chỉ dừng ở việc mua bán trái phép chất ma túy với Bị cáo T. Đối với hành vi Bị cáo Q mua bán trái phép chất ma túy với người đàn ông dân tộc Thái khoảng 40 tuổi là nằm ngoài sự bàn bạc lúc đầu của Q và K vì vậy Bị cáo Q phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt "phạm tội từ 02 lần trở lên". Đối với hành vi phạm tội của Bị cáo T, đây là hành vi phạm tội riêng biệt không có tính chất đồng phạm.

[3] Về tính chất của vụ án: Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời và hành vi Chứa chấp việc sử dụng trái

phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Chính vì vậy các Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các Bị cáo để giáo dục các Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Q và bị cáo K không có tình tiết tăng nặng nào.

Bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS, tại bản án số 13/2020/HS-ST ngày 24/3/2020, đến ngày 23/9/2021 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, cho đến thời điểm phạm tội bị cáo chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân:

Bị cáo Lò Văn Q sinh ra và lớn lên tại xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Bị cáo được gia đình nuôi ăn học đến lớp 5/12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp bố mẹ. Năm 2011 kết hôn với chị Cút Thị B và sinh được 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013. Bị cáo sử dụng chất ma túy từ năm 2020 cho đến nay.

Bị cáo Lò Văn K sinh ra và lớn lên tại xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Bị cáo được gia đình nuôi học đến lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà làm ruộng phụ giúp gia đình. Năm 2007 kết hôn với chị Lò Thị K và sinh được 02 người con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012. Bị cáo sử dụng chất ma túy từ năm 2020 cho đến nay.

Bị cáo Lò Văn T sinh ra và lớn lên tại xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Bị cáo được gia đình nuôi học đến lớp 12/12 thì nghỉ học ở nhà làm ruộng phụ giúp gia đình. Năm 1997 kết hôn với chị Quàng Thị N và sinh được 01 người con sinh năm 2016. Năm 2020 ly hôn với chị Nhiếc. Bị cáo sử dụng chất ma túy từ năm 2012 cho đến nay. Bị cáo có 01 tiền án nên bị cáo có nhân thân xấu. Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để bị cáo cải tạo

thành người công dân có ích cho xã hội. Tại bản án số 13/2020/HS-ST ngày 24/3/2020 có thể hiện bố đẻ bị cáo T là ông Lò Văn K sinh năm 1965, mẹ đẻ là bà Lò Thị K sinh năm 1965. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như giấy xác nhận thông tin cư trú, biên bản xác minh, lý lịch bị can có đủ cơ sở khẳng định ông Lò Văn K sinh năm 1965 và ông Lò Văn K sinh năm 1955 là cùng một người, bà Lò Thị K sinh năm 1965 và bà Lò Thị K sinh năm 1955 là cùng một người.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy các Bị cáo là đối tượng nghiện ma tuý, nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với

Bị cáo Lò Văn Q từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Bị cáo Lò Văn K từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng tù.

Bị cáo Lò Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng về tội mua bán trái phép chất ma túy và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt từ 05 năm đến 06 năm tù.

Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt đối với:

Bị cáo Lò Văn Q là 07 năm tù; Bị cáo Lò Văn K dưới mức yêu cầu của VKS đề nghị; Bị cáo Lò Văn T mức thấp nhất của VKS đề nghị.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt cao hơn Người bào chữa đề nghị mới mang tính chất răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa cho toàn xã hội.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số Heroine bị thu giữ của Bị cáo Q là 0,22 gam, đã gửi giám định hoàn lại 0,15 gam và số Heroine bị thu giữ của Bị cáo T là 1,21 gam, đã gửi giám định hoàn lại 0,98 gam là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

- Số tiền 1.300.000 đồng thu giữ của Bị cáo Q và số tiền 50.000 đồng thu giữ của Bị cáo T là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

- Đối với điện thoại di động cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng (thu giữ của Bị cáo T), điện thoại di động cảm ứng màu đen nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng (thu giữ của Bị cáo Q), điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng (thu giữ của bị cáo Q), điện thoại di động bàn phím màu đỏ - đen, nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng (thu giữ của Bị cáo K): Đây là phương tiện phạm tội dùng để các bị cáo liên lạc trao đổi mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

- Một xe mô tô BKS 27B2 – 259.69, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX, số khung: RLHJA3838MY110612, số máy: JA52E-0275336, dung tích 109, màu đỏ đen, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong là tài sản chung của Bị cáo Lò Văn K và chị Lò Thị K (vợ bị cáo K), Bị cáo K sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội chị K không biết nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước ½ giá trị chiếc xe và trả lại ½ giá trị chiếc xe cho chị Lò Thị K theo điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

[9] Các vấn đề khác:

Tại phiên tòa, người làm chứng Giàng A T và Giàng A L cùng người đại diện theo pháp luật của Giàng A L vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293/BLTTHS quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Bị cáo Q khai nguồn gốc số Heroine Cơ quan điều tra thu giữ do Bị cáo mua được của một người đàn ông dân tộc Mông khoảng 40 tuổi (không biết địa chỉ) tại khu vực bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Quá trình điều tra không xác minh, làm rõ được. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với 02 người đàn ông mua ma túy của Bị cáo Q và Bị cáo T nhưng các Bị cáo khai nhận không biết tên, địa chỉ của những người này nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên không có cơ sở điều tra làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với Giàng A T là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô BK 27B2 – 255.82 của Bị cáo Q nhưng không biết Q cầm cố xe để lấy tiền đi mua ma túy sử dụng nên không xử lý trong vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Giàng A L là người chở Q về lán nương nhưng không biết Q cất giấu ma túy trên người với mục đích sử dụng và bán lẻ kiếm lời nên không xử lý trong vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Các Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Bị cáo Q và Bị cáo T thuộc hộ nghèo, Bị cáo K thuộc hộ cận nghèo nên miễn tòa bộ án phí Hình sự sơ thẩm cho các Bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố Bị cáo Lò Văn Q phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố Bị cáo Lò Văn K phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố Bị cáo Lò Văn T phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và tội *"Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy".*

2. Về hình phạt:

Xử phạt Bị cáo Lò Văn Q: **07** ***(Bảy)*** **năm 06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/7/2022).

Xử phạt Bị cáo Lò Văn K: **03** ***(Ba)*** **năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/7/2022).

Xử phạt Bị cáo Lò Văn T: **03** ***(Ba)*** năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và **02** ***(Hai)*** năm **06** ***(Sáu)*** tháng về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt là **05** ***(Năm)*** năm **06** ***(Sáu)*** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 12/7/2022).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy: 0,15 gam Heroine là vật chứng của Bị cáo Lò Văn Q còn lại sau giám định và 0,98 gam Heroine là vật chứng của Bị cáo Lò Văn T còn lại sau giám định.

*Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- Số tiền 50.000 đồng thu giữ của Lò Văn T.

- Số tiền 1.300.000 đồng thu giữ của Lò Văn Q.

- 01 Điện thoại di động cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng.

- 01 Điện thoại di động cảm ứng màu đen nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng.

- 01 Điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng.

- 01 Điện thoại di động bàn phím màu đỏ - đen, nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng.

- ½ giá trị của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27 B2- 259.69, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX, số khung: RLHJA3838MY110612, số máy: JA52E-0275336, dung tích 109, màu đỏ - đen, xe cũ đã qua sử dụng.

* Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lò Thị K, sinh năm 1989 – Nơi cư trú: Bản H, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- ½ giá trị của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27 B2- 259.69, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX, số khung: RLHJA3838MY110612, số máy: JA52E-0275336, dung tích 109, màu đỏ - đen, xe cũ đã qua sử dụng.

(Vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2022).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lò Văn Q, Bị cáo Lò Văn K và Bị cáo Lò Văn T được miễn toàn bộ án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người có QL,NVLQ;
- Người bào chữa;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND huyện Điện Biên;
-VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yên

- Lưu VP.